

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK Bản án số: 179/2026/DS-PT Ngày: 23/3/2026. V/v “Yêu cầu bồi thường thiệt hại”	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
---	---

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Đình Triết.

2. Bà Đặng Thị Thu Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Anh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 529/2026/TLPT-DS ngày 01/12/2025 về việc: “*Yêu cầu bồi thường thiệt hại*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 146/2025/DS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2026/QĐ-PT ngày 21/01/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1969; Địa chỉ: G A, phường T, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hoài Q, sinh năm 1983; Địa chỉ: G A, phường T, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

2. Bị đơn: Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - tỉnh Đắk Lắk); địa chỉ: B H, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn T – Phó trưởng phòng Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Đ ; địa chỉ: B H, phường B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Hoài Q trình bày:**

Bà Trần Thị H là nguyên đơn trong vụ án Hôn nhân và gia đình, bị đơn là ông Trần Văn T1, sinh năm 1966, địa chỉ: K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vụ án hôn nhân đã được Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử vào ngày 22/03/2017. Sau khi bản án có hiệu lực, bà H là người được thi hành án dân sự. Ngày 03/05/2017, Chi cục thi hành án dân sự ban hành Quyết định số 2150/QĐ-CCTHADS, qua quá trình làm việc tại cơ quan thi hành án, bà H được biết Cơ quan thi hành án phân công cho bà Nguyễn Thị Lan H1 là chấp hành viên có nhiệm vụ giải quyết vụ việc của bà H. Trong quá trình giải quyết vụ việc, bà H phát hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột có những sai phạm sau:

Thứ nhất, trong quá trình giải quyết vụ việc thì Cơ quan thi hành án không thông báo cho bà H về việc giải quyết vụ việc thi hành án theo Bản án nêu trên, không thực hiện việc xác minh đầy đủ về tài sản của người được thi hành án tại nơi có tài sản để thi hành án, Chấp hành viên cũng không thực hiện các thủ tục về kê biên, đấu giá tài sản.

Thứ hai, căn cứ vào tình hình thực tế biến động tài sản trên địa bàn thành phố B, thì thời gian của đầu năm 2019, giá trị tài sản đang thi hành án có giá trị hơn 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng). Tuy nhiên, Chấp hành viên đã cố tình không tiến hành các thủ tục thi hành án, gây thiệt hại cho bà H. Ngày 11/10/2019 ông Trần Văn T1 mang tiền đến nộp vào Cơ quan Thi hành án. Cơ quan Thi hành án ban hành Quyết định số 09/QĐ-CCTHADS về việc trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1, mãi đến ngày 14/10/2019 mới ban hành Quyết định thi hành số 07/QĐ-CCTHADS về việc thi hành quyết định kê biên tài sản. Trong khi đó Cơ quan thi hành án không thông báo cho bà H.

Thứ ba, trong quá trình bà H yêu cầu định giá tài sản vào ngày 14/10/2019 nhưng cơ quan thi hành án dân sự thành phố B không chấp nhận mà ra thông báo số 345/TB-CCTHADS xác định rất rõ: "Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, đã ban hành Quyết định số 2150..... việc định giá lại tài sản không thuộc thẩm quyền của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột mà là của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đ và cho bà H 30 ngày để xử lý. Hiện nay đang tổ chức thi hành...." nhưng căn cứ vào Quyết định số 01/QĐGQKN nói rằng việc thi hành án đã xong. Tuy nhiên, bà H nhận thấy tại thời điểm này việc thi hành án chưa kết thúc, bản thân bà H đang tiến hành khiếu nại tố cáo.

Trong lúc chưa kết thúc, Cơ quan thi hành án lại tiến hành giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1 và làm văn bản số 1841/CCTHADS ngày 21/02/2020 gửi đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B xác định vụ việc thi hành án đã thực hiện xong. Đến ngày 09/03/2020 thì Chi cục thi hành án dân sự mới ban hành Thông báo số 2113/TB-CCTHA ngày 09/03/2020 về việc nhận tiền, tài sản.

Như vậy, việc làm của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột đã vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, gây thiệt hại rất lớn cho bà H, cụ thể:

-Về số tiền lãi:

+ Số tiền lãi do chậm thông báo trả tiền cho bà H từ khi ông T1 nộp tiền thi hành án (10/11/2019) đến khi thông báo bà H nhận tiền (09/3/2020) là 150 ngày của số tiền $520.800.000 - 292.447.464 = 228.352.536$ đồng là: $150 \text{ ngày} \times 0,0277 \times 228.352.536$ đồng bằng 9.048.047 đồng (01)

+ Tiền lãi của 292.447.464 đồng (số tiền bà H phải thi hành án cho ông Đ, bà L) từ ngày 10/6/2019 đến ngày 10/11/2019 là: 19.686.121 đồng. (số tiền này ông T1 đã nộp thay cho bà H nhưng chấp hành viên vẫn thu tiếp) (02).

+ Tiền lãi của 292.447.464 đồng từ ngày 09/4/2019 đến 10/6/2019 là 4.854.627 đồng (03).

Các khoản thiệt hại (1) và (2) đã được xác định tại Công văn 1542/VKSTC-C1(P9) của Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Thông báo số 63/TB-CCTHADS ngày 30/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột. Thiệt hại (3) được xác định theo biên bản đối thoại ngày 27/11/2023.

- Về Chi phí đi lại, phô tô, in ấn tài liệu và chi phí gửi đơn với tổng số tiền là 11.372.000 đồng. Các thiệt hại này bà H chỉ còn lưu giữ một số chứng từ còn lại chi phí đi lại, phô tô, in ấn tài liệu bà H có thực hiện, nhưng không có chứng từ. Hiện tại các đơn, tài liệu kèm theo bà H đã nộp đến các cơ quan liên quan.

- Chấp hành viên đã không giải quyết đơn yêu cầu định giá lại, không tiến hành thủ tục định giá lại theo Điều 99 Luật thi hành án dân sự khi bà H yêu cầu. Trong khi đến ngày 18/6/2021 mới có Giấy xác nhận kết quả thi hành án. Giá thửa đất số 11, tờ bản đồ độc lập, diện tích 550m², trong đó có 200m² đất thổ cư và 350m² đất trồng cây lâu năm được định giá năm 2016 là 1.041.000.000 đồng. Tháng 11/2019, giá đã tăng lên gấp 3 lần, bà H đã làm đơn yêu cầu định giá lại nhưng chấp hành viên không giải quyết dẫn đến bà H bị thiệt hại 1.000.000.0000 đồng (một tỷ đồng).

Từ những nội dung nêu trên, bà H yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột buộc Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột phải bồi thường cho bà H các khoản sau:

- Thứ nhất, bồi thường 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) do không tiến hành định giá tại lại sản; là tiền trượt giá.

- Thứ hai, bồi thường số tiền lãi do chậm thông báo trả tiền cho bà H từ khi ông T1 nộp tiền thi hành án (10/11/2019) đến khi thông báo bà H nhận tiền (09/3/2020) là 150 ngày của số tiền $520.800.000$ đồng - $292.447.464$ đồng = $228.352.536$ đồng là: $150 \text{ ngày} \times 0,0277 \times 228.352.536$ đồng là 9.048.047 đồng;

- Thứ ba, bồi thường số tiền thu sai phát sinh từ lãi suất chậm là: 19.686.121 đồng (số tiền này đã được ông Trần Văn T1 nộp thay cho bà H).

- Thứ tư, số tiền lãi thu sai từ ngày 09/04/2019 đến ngày 10/06/2019 là 4.854.627 đồng; theo biên bản đối thoại trực tiếp ngày 27/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

- Thứ năm, chi phí đi lại, photo in ấn tài liệu từ năm 2019 đến nay là: 8.940.000 đồng; (không có tài liệu)

- Thứ sáu, chi phí gửi đơn thư khiếu nại là: 2.432.000 đồng. (có tài liệu kèm theo)

Tổng số tiền bà H yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk phải bồi thường cho bà H số tiền là: 1.045.960.795 đồng.

*** Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày:**

1. Kết quả thi hành án Quyết định thi hành án số 2536/QĐ-CCTHADS, ngày 10/6/2019:

- Ngày 11/10/2019, ông T1 nộp số tiền theo bản án tuyên là 474.064.936 đồng và tiền lãi chậm thi hành án là 18.669.303 đồng, tổng cộng là 492.734.239 đồng để trả cho ông Đ, bà L. Do bà Trần Thị H là người vừa có quyền lợi, vừa có nghĩa vụ thi hành án, Chấp hành viên đã triệu tập bà H lên trụ sở cơ quan để làm việc nhưng bà H không có mặt.

Toàn bộ số tiền thu nêu trên đã được gửi tiết kiệm để chờ xử lý theo định pháp luật.

Trong suốt quá trình tổ chức thi hành án đến trước khi ông T1 nộp tiền để thi hành án (ngày 11/10/2019), thì bà H đã nhiều lần đề nghị Chấp hành viên kê biên xử lý tài sản là nhà ở và quyền sử dụng đất của ông T1 để thi hành án. Ngoài ra, bà H không có đề nghị, yêu cầu nào khác. Sau 04 ngày kể từ ngày ông T1 nộp đủ tiền thi hành án để trả cho bà H thì đến ngày 14/10/2019 bà H mới có đơn đề nghị Chấp hành viên định giá lại tài sản (Như vậy ông T1 đã thi hành xong trước 04 ngày).

2. Kết quả tổ chức thi hành Quyết định thi hành án số 2536/QĐ-CCTHADS ngày 07/6/2019:

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột đã thông báo hợp lệ quyết định thi hành án cho ông Trần Văn T1 và bà Trần Thị H để thực hiện theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/10/2019, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột nhận được Đơn yêu cầu về việc thanh toán tiền thi hành án của ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị L.

Ngày 28/11/2019, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột đã thanh toán cho ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị L số tiền: 487.427.393 đồng (đây là khoản tiền trả nợ của ông Trần Văn T1 phải thi hành)

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột đã chi trả toàn bộ số tiền cho bà Trần Thị H theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết khiếu nại

Không đồng ý với kết quả trả lời đơn thư của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, ngày 08/6/2023, bà Trần Thị H gửi đơn khiếu nại đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk khiếu nại với nội dung Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột chậm ra quyết định thi hành án.

Đến ngày 21/7/2023, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số 230/QĐ-CTHADS giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị H. Nội dung phần Quyết định giải quyết khiếu nại: Không chấp nhận toàn bộ đơn khiếu nại đề ngày 08/6/2023 của bà Trần Thị H, do việc khiếu nại không có căn cứ.

Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk; bà Trần Thị H tiếp tục khiếu nại đến Tổng cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp; Ngày 17/01/2024, Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 50/QĐ-TCTHADS giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị H, nội dung phần Quyết định đã nêu: Không chấp nhận khiếu nại của bà Trần Thị H đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 230/QĐ-CTHADS ngày 21/7/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Như vậy, Kết quả giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền (Tổng cục Thi hành án dân sự) đã xác định nội dung khiếu nại của bà Trần Thị H là không có cơ sở. Kết quả tổ chức thi hành án đối với các vụ việc nêu trên là đúng quy định của pháp luật.

Việc bà Trần Thị H yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột bồi thường số tiền là 1.045.018.795 đồng là không có cơ sở.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 146/2025/DS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 165, 166; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 584, Điều 585, Điều 589 bộ luật dân sự

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H về việc buộc Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột phải bồi thường tổng số tiền là: 1.045.018.795 đồng, gồm các khoản tiền sau:

- Khoản tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) do không tiến hành định giá lại lại sản.

- Khoản tiền 9.048.047 đồng do chậm thông báo thi hành án; khoản tiền thu sai: 19.686.121 đồng (số tiền này đã được ông Trần Văn T1 nộp thay cho bà H);

- Khoản tiền lãi thu sai từ ngày 09/04/2019 đến ngày 10/06/2019 là 4.854.627 đồng; theo biên bản đối thoại trực tiếp ngày 27/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

- Khoản tiền chi phí đi lại, photo in ấn tài liệu từ năm 2019 đến nay là: 8.940.000 đồng (không có tài liệu) và chi phí gửi đơn thư khiếu nại là: 2.432.000 đồng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí định giá, án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/10/2025, nguyên đơn bà Trần Thị H kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 146/2023/DS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- tỉnh Đắk Lắk, giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử; Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị H, hủy một phần và đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu chưa đủ điều kiện khởi kiện; Giữ nguyên phần còn lại của Bản án dân sự sơ thẩm số 146/2025/DS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của đương sự trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí nên được xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo hủy bản án sơ thẩm của bà Trần Thị H, xét thấy:

- Về yêu cầu khởi kiện của bà H, bà H có hai yêu cầu khởi kiện; yêu cầu bồi thường số tiền 1.000.000.000 đồng do không tiến hành định giá lại tài sản và yêu cầu bồi thường số tiền thu sai phát sinh từ lỗi suất chậm thi hành án.

Quá trình giải quyết của cấp sơ thẩm đối với yêu cầu bồi thường số tiền 1.000.000.000 đồng do không tiến hành định giá lại tài sản, cấp sơ thẩm đã nhận định: “ ... Tính đến thời điểm hiện nay bà H không cung cấp được kết luận của Cơ quan có thẩm quyền về việc Cơ quan thi hành án Thành phố B không tiến hành định giá lại tài sản là trái pháp luật.”. Xét thấy, yêu cầu này của bà H là chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 3 và Điều 7 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017. Điều kiện để thụ lý vụ án bồi thường là phải có văn bản của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định hành vi của người thi hành công vụ là trái pháp luật. Khi khởi kiện nguyên đơn không cung cấp được văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường theo đúng trình tự, thủ tục của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước nên yêu cầu này thuộc trường hợp chưa đủ điều kiện khởi kiện

theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nhưng cấp sơ thẩm lại thụ lý xem xét giải quyết và bác yêu cầu khởi kiện này là chưa chính xác mà cần áp dụng điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu này của bà Trần Thị H mới đảm bảo đúng theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

- Về yêu cầu bồi thường số tiền thu sai phát sinh từ lỗi suất chậm thi hành án: Mặc dù Công văn số 1542/VKSTC-C1(P9) của Viện kiểm sát nhân dân tối cao có xác định việc buộc bà H đóng thêm số tiền 19.686.121 đồng là chưa phù hợp quy định tại khoản 5 Điều 47 Luật Thi hành án dân sự, tuy nhiên thực tế bà H chưa thực hiện việc nộp số tiền này. Toàn bộ số tiền của bà H sau khi thi hành án vẫn đang được gửi tiết kiệm tại Kho bạc Nhà nước, đồng thời các Quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến nội dung này đều không chấp nhận yêu cầu của bà H. Do hậu quả thiệt hại thực tế chưa xảy ra và không có căn cứ về thiệt hại vật chất. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với các khoản tiền bồi thường thu sai và chi phí phát sinh liên quan là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích, nhận định trên xét thấy cần chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà Trần Thị H, Hủy và đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu chưa đủ điều kiện khởi kiện của bà Trần Thị H về việc yêu cầu bồi thường số tiền 1.000.000.000 đồng do không tiến hành định giá lại tài sản; Giữ nguyên phần còn lại của bản án Bản án dân sự sơ thẩm số 146/2025/DS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - tỉnh Đắk Lắk về việc buộc Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột phải bồi thường khoản tiền 9.048.047 đồng do chậm thông báo thi hành án; khoản tiền thu sai: 19.686.121 đồng (số tiền này đã được ông Trần Văn T1 nộp thay cho bà H); Khoản tiền lãi thu sai từ ngày 09/04/2019 đến ngày 10/06/2019 là 4.854.627 đồng; Khoản tiền chi phí đi lại, photo in ấn tài liệu từ năm 2019 đến nay là: 8.940.000 đồng và chi phí gửi đơn thư khiếu nại là: 2.432.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do đình chỉ một phần bản án sơ thẩm đối với yêu cầu bồi thường số tiền 1.000.000.000 đồng do không tiến hành định giá lại tài sản, vì chưa đủ điều kiện khởi kiện nên cần sửa lại án phí. Nguyên đơn bà Trần Thị H không phải chịu án phí đối với yêu cầu này.

Đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận tổng cộng 45.960.795 đồng, bà Trần Thị H phải chịu án phí: $45.960.795 \text{ đồng} \times 5\% = 2.298.100 \text{ đồng}$ (Làm tròn). Được khấu trừ trong số tiền 21.675.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013414 ngày 22/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1). Hoàn trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí còn lại là 43.662.695 đồng theo biên lai số 0013414 ngày 22/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Tỉnh Đắk Lắk).

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0002644 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ Khoản 1, khoản 4 Điều 308; Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị H.

Hủy và đình chỉ giải quyết một phần bản án sơ thẩm dân sự sơ thẩm số 146/2025/DS-ST ngày 26/9/2025 của Toà án nhân dân khu vực 1 - tỉnh Đắk Lắk đối với phần yêu cầu chưa đủ điều kiện khởi kiện của bà Trần Thị H về việc yêu cầu bồi thường số tiền 1.000.000.000 đồng do không tiến hành định giá lại tài sản.

Giữ nguyên phần còn lại của Bản án dân sự sơ thẩm số 146/2025/DS-ST ngày 26/9/2025 của Toà án nhân dân khu vực 1 - tỉnh Đắk Lắk về việc yêu cầu bồi thường số tiền 45.960.795 đồng thu sai phát sinh từ lãi suất chậm thi hành án.

[2] Căn cứ: - Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 165, 166; điểm b khoản 1 Điều 192; điểm g khoản 1 Điều 217; Điều 218; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự.

- Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[2.1] Hủy và đình chỉ giải quyết đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H về việc buộc Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột phải bồi thường số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) do không tiến hành định giá tại lại sản.

[2.2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H về việc buộc Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột phải bồi thường các khoản sau:

- Khoản tiền 9.048.047 đồng do chậm thông báo thi hành án; khoản tiền thu sai: 19.686.121 đồng (số tiền này đã được ông Trần Văn T1 nộp thay cho bà H);

- Khoản tiền lãi thu sai từ ngày 09/04/2019 đến ngày 10/06/2019 là 4.854.627 đồng; theo biên bản đối thoại trực tiếp ngày 27/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

- Khoản tiền chi phí đi lại, photo in ấn tài liệu từ năm 2019 đến nay là: 8.940.000 đồng (không có tài liệu) và chi phí gửi đơn thư khiếu nại là: 2.432.000 đồng.

[3] Về chi phí định giá tài sản: Nguyên đơn bà Trần Thị H phải chịu chi phí định giá tài sản là 15.000.000 đồng (Theo hợp đồng dịch vụ thẩm định giá). Nguyên đơn đã thực hiện xong.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị H phải chịu 2.298.100 đồng (Làm tròn).

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị H số tiền tạm ứng án phí còn lại là 43.662.695 đồng theo biên lai số 0013414 ngày 22/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Tỉnh Đắk Lắk).

Bị đơn Chi cục Thi hành án dân sự thành Buôn Ma Thuột (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0002644 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm-TANDTC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 1;
- Phòng THADS khu vực 1;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị My My